



VIỆN ĐO LƯỜNG VIỆT NAM (ĐK 05)

(Vietnam Metrology Institute)

Địa chỉ (Add.): Số 8 Đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô,

Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Điện thoại (Tel.): (84-24) 37914876 ; Fax: (84-24) 37564260

GIẤY CHỨNG NHẬN HIỆU CHUẨN (Calibration Certificate)

Số (No): V15.CN5.5399.20

Tên đối tượng (Object): Tủ môi trường (Climate Chamber)

Kiểu (Type): Piecise Số (Serial No.)/Mã QL(Tag No): N/A / TB-104

Nơi sản xuất (Manufacturer): AOV-Nikatei

Đặc trưng kỹ thuật đo lường (Specification): Phạm vi đo (Range): (15÷50) °C (30÷80) % RH
Độ phân giải (Resolution): 0,1 °C / 0,1 % RH

Cơ sở sử dụng (Customer): Công ty TNHH Đảm bảo chất lượng Việt Nam

Phương pháp hiệu chuẩn (Method of Calibration): VMI/IMS - CP 18 : 2017
Tủ nhiệt ẩm – Quy trình hiệu chuẩn

Chuẩn được sử dụng (Standards used):

Bộ đo nhiệt độ hiển số (Multi Chanel), 1560/ Fluke/USA, Độ KĐBĐ $U_{95} = 0,1$ °C ($k=2$).

Nhiệt kế điểm sương (Chilled Mirror Hygrometer) Dewmaster /USA, Độ KĐBĐ $U_{95} = 0,2$ °C ($k=2$)

Hiệu lực của chuẩn (Expiry date of Standards used): 05-2021

Chuẩn được liên kết đến hệ đơn vị quốc tế SI

(Standards are traceable to the International System of unit SI)

Kết quả (Results): Xem kết quả hiệu chuẩn trang sau (The result of the calibration on the next page)

Ngày hiệu chuẩn đề nghị tới (Recalibration recommended): Không áp dụng
Hà Nội, ngày 22 tháng 10 năm 2020
(Date of issue)

Trưởng phòng thí nghiệm
(Head of calibration Laboratory)

Ngô Hoàng Anh

VIỆN TRƯỞNG
(Director)



PHÓ VIỆN TRƯỞNG
Bùi Quốc Thụ

Trang: 1/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý
bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)

KẾT QUẢ HIỆU CHUẨN

(Calibration results)

Kèm theo giấy chứng nhận hiệu chuẩn số (attached to certificate No): V15.CN5.5399.20

Giá trị nhiệt độ t (°C) tại 60% RH				
Nhiệt độ chuẩn (Standard) (°C)	Nhiệt độ chỉ thị (Indicator) (°C)	Số hiệu chỉnh (Correction) (°C)	Độ ổn định (Stability) (°C)	Độ đồng đều (Uniformity) (°C)
20,3	20,0	0,3	±0,2	±0,4
25,2	25,0	0,2		
35,5	35,0	0,5		

Giá trị độ ẩm tương đối (% RH) tại 25 °C				
Độ ẩm chuẩn (Standard) / % RH	Độ ẩm chỉ thị (Indicator) / % RH	Số hiệu chỉnh (Correction) / % RH	Độ ổn định (Stability) / % RH	Độ đồng đều (Uniformity) / % RH
40,1	40,0	0,1	±0,5	±2,0
48,5	50,0	-1,6		
60,0	60,0	0,0		
68,2	70,0	-1,8		
80,8	80,0	0,8		

Độ không đảm bảo đo của phép hiệu chuẩn (Uncertainty) ($P \approx 95\%$, $k = 2$): $U = 0,5 \text{ °C} / 3,0 \text{ \% RH}$

Người hiệu chuẩn
(Calibrated by)

Nguyễn Văn Đức

Nơi hiệu chuẩn : Cơ sở.

Trang: 2/2
(No of pages)

Không được sao chép rời khi giấy chứng nhận có nhiều trang nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Viện Đo lường Việt Nam
(This certificate shall not be reproduced except in full, without written approval of VMI)